

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST
Ngày 28/10/2024
V/v Ly hôn; tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lực

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Thu và ông Nguyễn Hà Giang

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Hồng Huệ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị H1, Kiểm sát viên

Ngày 28/10/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 75/2024/TLST-HNGĐ ngày 26/7/2024 về việc “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/9/2024 và và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09/10/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị V sinh năm 1982; nơi cư trú xóm 8, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

Bị đơn: Anh Hoàng Văn T sinh năm 1980; nơi cư trú xóm 8, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị V trình bày: Chị V và anh T tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký tại UBND xã Khánh Hồng ngày 03/9/2003. Từ năm năm 2009 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nhưng mâu thuẫn không đáng kể; từ năm 2018 phát sinh mâu thuẫn nhiều hơn, nguyên nhân là do anh T chơi bời, không quan H3 đến gia đình dẫn đến kinh tế gia đình khó khăn; từ năm 2021 phát sinh mâu thuẫn đỉnh điểm, anh T chơi bời nhiều hơn về nhà đánh chửi nhiều hơn, dẫn đến vợ chồng đánh cãi chửi nhau, anh T đánh chị V nhiều lần, cuộc sống luôn căng thẳng; từ tháng 5/2024 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, không quan H3 gì đến nhau; nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị V xin ly hôn anh T. Về con, chị V và anh T có 04 con là cháu Hoàng Thị H sinh ngày 08/6/2004, cháu Hoàng Thị Diễm H1 sinh ngày 17/12/2010, cháu Hoàng Thị H2 sinh ngày 12/3/2014 và cháu Hoàng Minh H3 sinh ngày 22/8/2017; đối với cháu H đã đủ 18 tuổi tự lập được cuộc sống, nên chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn lại 03 cháu là cháu H1, cháu H2 và cháu H3, chị V đề nghị giao cả 03 cháu cho chị V nuôi

đưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị V không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con cho chị V và chị V cam đoan sẽ đảm bảo đầy đủ cho cuộc sống, sinh hoạt và học tập cho cả 03 cháu. Về tài sản, chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết; vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Tại bản tự khai bị đơn là anh T trình bày: Anh T và chị V tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký tại UBND xã Khánh Hồng ngày 03/9/2003. Trong cuộc sống hàng ngày việc vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là không tránh khỏi, vợ chồng cãi nhau tức giận anh T không kiềm chế được bản thân, nên anh T có đánh chửi chị V; vào tháng 6/2024 vợ chồng có cãi nhau, có những lời nói xúc phạm tới anh T, khiến cho anh T những hành động không kiểm soát được là tát và chửi chị V, ngay sau đó 01 tuần chị V đã tự ý bỏ nhà đi mà không nói gì đến anh T; anh T có nhắn tin và liên lạc đề nghị chị V về, song đến nay chị V đã chặn mọi liên lạc và không về nhà cùng với bố con anh T, không quan H3 gì đến gia đình; nay chị V đề nghị ly hôn, anh T không đồng ý ly hôn. Về con, anh T và chị V có 04 con là cháu Hoàng Thị H sinh ngày 08/6/2003, cháu Hoàng Thị Diễm H1 sinh ngày 17/12/2010, cháu Hoàng Thị H2 sinh ngày 12/3/2014 và cháu Hoàng Minh H3 sinh ngày 22/8/2017; anh T đề nghị giao cả 03 cháu H1, cháu H2 và cháu H3 cho chị V nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng; còn cháu H đã trưởng thành nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết; vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến đối với vụ án: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ tranh chấp; xác định đúng tư cách đương sự; đã tiến hành thông báo, xác minh, mở phiên họp và thời hạn xét xử đúng quy định. Bị đơn trong vụ án chưa chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V.

- Cho chị V được ly hôn với anh T.
- Giao cháu H1, cháu H2 và cháu H3 cho chị V nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị V và anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung.
- Chị V phải chịu 300.000 đồng án phí về việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Chị V khởi kiện “Xin ly hôn; tranh chấp về nuôi con” với anh T, việc khởi kiện của chị V được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh T cư trú tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Y thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa bị đơn là anh T vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về ly hôn: Chị V và anh T tự nguyện kết hôn với nhau, đã đăng ký tại UBND xã Khánh Hồng ngày 03/9/2003, tại thời điểm kết hôn chị V và anh T đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại các Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình; do vậy hôn nhân giữa chị V và anh T là hợp pháp.

Lý do ly hôn: Theo chị V khai thể hiện từ năm 2009 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng hơn và hiện tại chị V và anh T đang sống ly thân không quan H3 gì đến nhau. Theo anh T khai thể hiện khi vợ chồng cãi nhau tức giận anh T không kiềm chế được bản thân, anh T có tát và chửi chị V; chị V đã tự ý bỏ nhà đi, chị V đã chặn mọi liên lạc, không về và không quan H3 gì đến gia đình.

Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định tình cảm vợ chồng giữa chị V và anh T trong thời gian qua đã phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không còn yêu thương quý trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau; anh T không đồng ý ly hôn nhưng anh T không đến Tòa án tham gia phiên hoà giải và không tham gia phiên tòa điều này thể hiện anh T bỏ mặc và không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn; dẫn đến hôn nhân giữa chị V và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị V, cho chị V và anh T ly hôn.

[3] Về nuôi con: Chị V và anh T có 04 con là cháu Hoàng Thị H sinh ngày 08/6/2004, cháu Hoàng Thị Diễm H1 sinh ngày 17/12/2010, cháu Hoàng Thị H2 sinh ngày 12/3/2014 và cháu Hoàng Minh H3 sinh ngày 22/8/2017.

Cháu H đã đủ 18 tuổi tự lập được cuộc sống, chị V và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Đối với cháu H1, cháu H2 và cháu H3; chị V đề nghị giao cả 03 cháu cho chị V nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; theo lời khai của cả 03 cháu có trong hồ sơ thể hiện nguyện vọng của cả 03 cháu là muốn được ở với bố; tuy nhiên theo lời khai của anh T có trong hồ sơ, anh T khai “đề nghị giao cả 03 cháu cho chị V nuôi dưỡng”. Do anh T không đến tham gia phiên tòa và anh T đề nghị giao cả 03 cháu cho chị V nuôi dưỡng; nên chấp nhận yêu cầu của chị V, giao cả 03 cháu là cháu H1, cháu H2 và cháu H3 cho chị V nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn: Do chị V không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con cho chị V và chị V cam đoan sẽ đảm bảo đầy đủ cho cuộc sống, sinh hoạt và học tập cho cả 03 cháu; nên Tòa án không buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con cho chị V.

[4] Về tài sản: Chị V và anh T đều không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản; vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị V là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng án phí về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Về ly hôn: Cho chị Nguyễn Thị V ly hôn anh Hoàng Văn T.

2.2. Về nuôi con: Chấp nhận đề nghị của chị V; giao cháu Hoàng Thị Diễm H1 sinh ngày 17/12/2010, cháu Hoàng Thị H2 sinh ngày 12/3/2014 và cháu Hoàng Minh H3 sinh ngày 22/8/2017 cho chị V nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị V

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001686 ngày 25/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, chị V đã nộp đủ án phí về việc ly hôn.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện Y
- Chi cục THA
- UBND xã Khánh Hồng
- Các đương sự
- Lưu hồ s

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Lục